

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỒI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN – TỪ GÓC NHÌN CỦA LÝ THUYẾT LỢI THẾ SO SÁNH

Nguyễn Văn Sáng¹, Bùi Thị Minh Nguyệt²

¹UBND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

²Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Lạng Sơn là địa tỉnh có 60% diện tích Hồi của Việt Nam. Hoa Hồi được coi là một trong những sản phẩm chủ lực của tỉnh, có giá trị kinh tế cao, gắn với tập quán canh tác của người dân địa phương, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Bài viết sử dụng số liệu, thông tin từ các báo cáo và kết quả nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn 2015 - 2020, nhằm tổng hợp và phân tích thực trạng sản xuất cây Hồi tại địa phương. Kết quả cho thấy, Lạng Sơn có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển sản xuất cây Hồi như: Phù hợp với điều kiện tự nhiên, có tiềm năng mở rộng quy mô, có hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường. Diện tích trồng Hồi hiện nay là 30.647 ha, phân bố tập trung nhiều ở 3 huyện: Văn Quan, Bình Gia và Văn Lãng, sản lượng 0,36 – 0,58 tấn/ha/năm. Lạng Sơn vẫn còn nhiều tiềm năng để mở rộng diện tích trồng. Hiện tại, hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, chưa hình thành chuỗi giá trị sản phẩm là những tồn tại trong phát triển sản xuất Hồi. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp phát triển cây Hồi trong thời gian tới nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, hạn chế yếu kém và vượt qua thách thức.

Từ khóa: cây Hồi, Lạng Sơn, lợi thế so sánh, phát triển sản xuất, sản phẩm Hồi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, nằm ở vùng Đông Bắc của Việt Nam với nhiều lợi thế về giao thương các sản phẩm nông nghiệp giữa thị trường Việt Nam và Trung Quốc. Toàn tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích tự nhiên là 831.009 ha, trong đó có khoảng 20% là đất sản xuất nông nghiệp và trên 80% là đất đồi núi. Đây là lợi thế của địa phương trong phát triển các sản phẩm nông lâm nghiệp, trong đó có cây Hồi.

Cây Hồi là loại cây đặc sản có giá trị kinh tế cao. Sản phẩm chủ yếu của cây Hồi là quả Hồi khô (cũng được gọi là hoa Hồi) được dùng làm gia vị và điều chế các loại dược phẩm. Cây Hồi được trồng nhiều ở các tỉnh biên giới Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc. Ở Việt Nam, Hồi được trồng tại Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn và Quảng Ninh. Tuy nhiên, Hồi trồng ở Lạng Sơn có chất lượng tốt và nổi tiếng với thương hiệu Hồi Lạng Sơn. Tỉnh Lạng Sơn hiện có là 32.647 ha rừng hồi với sản lượng là 14,5 nghìn tấn (Cục Thống kê Lạng Sơn, 2020). Nhiều năm qua, cây Hồi được xác định là cây kinh tế mũi nhọn và chiến lược lâu dài của tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên cho đến nay, mặc dù diện tích rừng Hồi mỗi năm một tăng, hình thành vùng sản xuất tập trung, nhưng việc sản xuất chưa đạt được hiệu quả cao,

chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế của địa phương. Bài báo thực hiện phân tích thực trạng sản xuất sản phẩm Hồi trên địa bàn tỉnh, đánh giá những lợi thế trong sản xuất hồi làm cơ sở đề xuất giải pháp nhằm phát triển sản xuất Hồi Lạng Sơn trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp kế thừa các số liệu, báo cáo có liên quan đến tình hình sản xuất hồi gồm các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh, đề án phát triển hồi và các số liệu thống kê của Cục Thống kê tỉnh về tình hình sản xuất Hồi của tỉnh Lạng Sơn. Trên cơ sở các số liệu thứ cấp, tác giả vận dụng lý thuyết về lợi thế so sánh để đánh giá những lợi thế của địa phương trong sản xuất hồi giai đoạn 2017-2020. Bên cạnh đó, tác giả khai thác các kết quả điều tra được thực hiện về thực trạng sản xuất Hồi để có thêm các dẫn chứng minh họa cho nghiên cứu. Một số phương pháp phân tích số liệu được sử dụng bao gồm: Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích SWOT. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và đề xuất các giải pháp phát triển sản xuất Hồi trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lý thuyết về lợi thế so sánh và vận dụng trong sản xuất nông nghiệp

Lý thuyết về những lợi thế so sánh đã được David Ricardo (1772-1823) đưa ra được phát triển dựa trên quan điểm lợi thế tuyệt đối của Adam Smith. Ricardo đã nhấn mạnh: Những nước có lợi thế tuyệt đối hoàn toàn hơn hẳn các nước khác, hoặc bị kém lợi thế tuyệt đối so với các nước khác trong sản xuất mọi sản phẩm, thì vẫn có thể và vẫn có lợi khi tham gia vào phân công lao động và thương mại quốc tế bởi vì mỗi nước có một lợi thế so sánh nhất định về sản xuất một số sản phẩm và kém lợi thế so sánh nhất định về sản xuất các sản phẩm khác. Bằng việc chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu sản phẩm mà nước đó có lợi thế so sánh, mức sản lượng và tiêu dùng trên thế giới sẽ tăng lên, kết quả là mỗi nước đều có lợi ích từ thương mại.

Trong thực tế, do mỗi con người, tổ chức đều không thể tự đáp ứng tất cả các nhu cầu tiêu dùng của mình, họ thường thấy có lợi khi tham gia những hoạt động phù hợp với họ nhất hoặc có một lợi thế so sánh nào đó về khả năng tự nhiên hay những lợi thế về nguồn lực của mình. Khi đó, họ có thể sản xuất hoặc trao đổi bất cứ lượng dư thừa nào về hàng hoá tự sản xuất để lấy những sản phẩm mà những người khác có thể làm ra tương đối dễ dàng hơn. Do đó, trong một khía cạnh nào đó, hiện tượng chuyên môn hoá sản xuất dựa trên lợi thế so sánh luôn phù hợp.

Ngày nay lý thuyết lợi thế so sánh vẫn là những nền tảng quan trọng trong thương mại và sản xuất. Lợi thế so sánh được xác định thông qua việc so sánh chi phí sản xuất của các loại hàng hóa khác nhau. Một quốc gia, vùng, địa phương được gọi là có lợi thế so sánh trong việc sản xuất một loại hàng hóa nào đó nếu chi phí để sản xuất ra hàng hóa đó thấp hơn tương đối so với chi phí để sản xuất ra các hàng hóa khác. Lý thuyết lợi thế so sánh tiếp tục được các nhà kinh tế học khác phát triển và cho đến nay lý thuyết này vẫn được sử dụng làm cơ sở cho hoạt động thương mại giữa các quốc gia và là cơ sở để phân công lao động quốc tế.

Theo Herscher và Ohlin (1919), nguồn gốc của lợi thế so sánh không chỉ nằm ở yếu tố chi phí lao động mà ở nhiều yếu tố đầu vào khác nhau cho quá trình sản xuất, gồm: lao động, vốn, đất đai, công nghệ, tài nguyên thiên nhiên. Để sản xuất ra 1 sản phẩm đòi hỏi phải có sự kết hợp hài hoà theo một tỷ lệ nhất định các yếu tố sản xuất đầu vào. Do đó, lợi thế so sánh chính là sự dồi dào các yếu tố sản xuất. Một quốc gia dồi dào yếu tố sản xuất nào, thì sẽ thuận lợi sản xuất sản phẩm sử dụng nhiều yếu tố sản xuất đó.

Từ việc nghiên cứu lý thuyết lợi thế so sánh, Việt Nam đang có lợi thế cho sản xuất nông nghiệp với trên 27 triệu ha đất nông nghiệp, tương đương với trên 80% tổng diện tích, đóng góp 24% GDP, sử dụng hơn 47% lực lượng lao động của quốc gia. Ngoài ra, Việt Nam có vùng đất đồi núi bao la có thể phát triển cây công nghiệp và rừng; có bờ biển dài có thể phát triển thủy sản. Lợi thế về tài nguyên thiên nhiên phong phú bao gồm tài nguyên đất, nước, biển, rừng, sinh vật, khoáng sản và du lịch. Tỷ lệ người đang sinh sống ở nông thôn và miền núi chiếm tới gần 70% dân số của Việt Nam. Giá trị thặng dư thương mại của ngành nông nghiệp lên tới 10,6 tỷ USD, với nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực đạt giá trị trên 1 tỷ USD (lúa gạo, cà phê, cao su, điều, gỗ, thủy sản...). Số liệu thống kê cho thấy, quỹ đất nông nghiệp được sử dụng cho nhiều loại hình như: sản xuất nông nghiệp với 11,530.2 nghìn ha, đất trồng cây hàng năm là 6,998 nghìn ha, đất lâm nghiệp là 14,923.6 nghìn ha... Diện tích đất của Việt Nam ta được tận dụng khá triệt để, lượng đất bỏ hoang và chưa đưa vào sử dụng là rất thấp.

Nhưng với chiến lược đổi mới phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Việt Nam sẽ cần có một bước chuyển rất căn bản: mở rộng lợi thế so sánh ra nhiều mặt hàng, nhóm hàng có giá trị cao. Muốn vậy phải kết hợp đồng thời nhiều yếu tố: vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên sẵn có và nguồn nhân lực phong phú, trong đó nguồn nhân lực là một yếu tố rất quan trọng cho phát triển. Bên cạnh đó cần hướng tới sử dụng công nghệ hiện đại, lao động có trình độ chuyên môn cao và phát triển các sản

phẩm gắn với lợi thế so sánh của từng vùng.

3.2. Thực trạng phát triển sản phẩm Hồi tỉnh Lạng Sơn

3.2.1. Lợi thế trong phát triển sản phẩm Hồi tại tỉnh Lạng Sơn

Lạng Sơn là tỉnh được xác định có nhiều lợi thế như vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đặc thù và có sản phẩm đặc trưng, trong đó đang được biết đến nhiều là sản phẩm Hồi, đây là sản phẩm có thị trường rộng và nhiều tiềm năng cho xuất khẩu. Có thể đánh giá một số lợi thế trong phát triển sản phẩm Hồi của Lạng Sơn như sau:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên: Lạng Sơn có tổng diện tích tự nhiên là 831.009 ha, trong đó có khoảng 20% là đất sản xuất nông nghiệp và trên 80% đất đồi và núi. Với diện tích đất đồi núi nhiều là thế mạnh để Lạng Sơn phát triển các sản phẩm đặc sản nông, lâm nghiệp, trong đó có sản phẩm Hồi. Cây Hồi là cây có yêu cầu tương đối khắt khe về đất đai. Theo phân bố cây Hồi ở Việt Nam thì chỉ có 4 địa phương trồng là Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn và Quảng Ninh với tổng diện tích khoảng 50.000 ha. Với thế mạnh của mình, diện tích Hồi của Lạng Sơn năm 2020 là 30.647 ha. Về khí hậu, Lạng Sơn có các tiểu vùng khí hậu khác nhau từ đó góp phần hình thành các vùng cây trồng nông, lâm nghiệp, trong đó có vùng trồng cây Hồi. Cây Hồi phát triển tốt tại Lạng Sơn do phù hợp nền đất dốc, tầng đất dày, thoát được nước nhưng phải có độ ẩm. Theo số liệu phân hạng đất của Sở NN&PTNT tỉnh Lạng Sơn có tới hơn 37.000 ha đất thích hợp và khá thích hợp cho việc trồng

Hồi, chiếm tới 77% trong tổng diện tích và chiếm 14,13% tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh.

- Là sản phẩm chiến lược của tỉnh: Tại Nghị quyết Đảng bộ tỉnh XVI của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã chỉ rõ: “*Phát triển toàn diện lĩnh vực nông lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Phát triển sản xuất nông nghiệp thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung và tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao, chú trọng thâm canh, chuyên canh nâng cao giá trị các loại cây đặc sản có lợi thế như: Quýt, Hồng, Hồi...*”. Từ năm 2014, UBND tỉnh Lạng Sơn đã xây dựng quy hoạch phát triển vùng cây nguyên liệu gắn với chế biến và xuất khẩu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Bên cạnh đó, tỉnh Lạng Sơn ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ các thành phần tư nhân đầu tư vào nông nghiệp, trong đó có đầu tư phát triển sản xuất Hồi.

- Khả năng mở rộng quy mô sản xuất: Theo Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2030 của UBND tỉnh Lạng Sơn, diện tích cây Hồi khoảng 34.000 ha; thực hiện trồng mới thay thế dần 4.000 ha đang già cỗi. Về sản lượng mục tiêu đạt 13.000 tấn/năm giai đoạn 2020-2025 và đạt 15.000 tấn/năm trong giai đoạn 2026-2030. Vì vậy, cả diện tích và tổng sản lượng Hồi còn tiềm năng, nhưng phát triển theo quy mô đã gần tới điểm tới hạn.

Bảng 1. Tiềm năng mở rộng quy mô sản xuất sản phẩm Hồi Lạng Sơn

TT	Chỉ tiêu	Quy mô hiện tại	Mục tiêu 2030	Tỷ lệ đạt (%)
1	Diện tích (ha)	30.647	34.000	89,02
2	Sản lượng (tấn/năm)	14.503	15.000	95,93

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lạng Sơn, 2019.

Bảng 1 cho thấy, quy mô và sản lượng Hồi đã gần đạt tới mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, còn một tiềm năng cho phát triển đó là diện tích rừng hồi cho thu hoạch chỉ chiếm khoảng 81,2%, đây là cơ hội cho tiềm năng nâng cao thêm sản lượng và giá trị trong thời gian tới.

- Lợi ích kinh tế từ sản xuất Hồi: Hoa Hồi đóng góp tới 29,82% trong tổng giá trị sản xuất

ngành lâm nghiệp của tỉnh năm 2019, tương đương 1.028 tỷ đồng (UBND tỉnh Lạng Sơn, 2020). Hồi là cây trồng có giá trị kinh tế cao của hộ nông dân. Giá của 1 kg Hồi trong giai đoạn 2010-2012 gấp khoảng 10 lần Gạo và gấp 15 lần Ngô và thời điểm 2019 cao gấp khoảng 3,5 lần Gạo và 6 lần Ngô (Sở NN&PTNT Lạng Sơn, 2019). Cây Hồi với tuổi 15 - 30 năm đạt năng

suất trung bình 8 - 10 tấn quả/ha/năm, lợi nhuận khoảng 10 - 16 triệu đồng/ha/năm. Có thể khẳng định cây Hôi có giá trị kinh tế cao hơn một số cây trồng khác trên đất lâm nghiệp. Về giá trị xuất khẩu, trong khoảng 10 năm trở lại đây hàng năm thu được khoảng 600 – 650 tỷ đồng/năm (Bộ NN&PTNT, 2016).

- Về lực lượng lao động: Lạng Sơn có dân số 790.500 người, mật độ dân số trung bình chỉ 95 người/km². Đây là nơi sinh sống của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là dân tộc Tày và Nùng (chiếm 78,9% tổng dân số), dân tộc Kinh (chiếm 16,5%) và các cộng đồng dân tộc khác như Dao, Hoa, Sán Chay, H'Mông (chiếm 4,6%). Phần lớn dân số, chiếm tới 79,7% vẫn sống ở các vùng nông thôn và 90,5% trong số này là các hộ sản xuất nông lâm nghiệp (UBND tỉnh Lạng Sơn, 2020). Với dân số đông và gắn với truyền thống sản xuất là lợi thế cho sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất Hôi nói riêng.

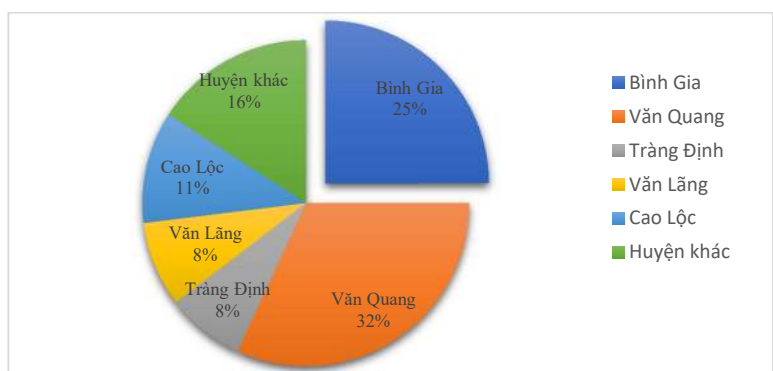
- Gắn với truyền thống sản xuất của người dân: Cây Hôi trở thành quen thuộc với người dân Lạng Sơn và phù hợp với trình độ sản xuất và năng lực đầu tư của hộ gia đình có điều kiện kinh tế hạn chế. Ưu điểm của cây Hôi là dễ trồng, ít bị sâu bệnh hại và chỉ mất vài năm đầu chăm sóc, đến khi khép tán chi phí chăm sóc rất ít. Người sản xuất đầu tư 1 lần nhưng có thể cho thu nhập rất nhiều năm, 7 - 10 năm cho thu

hoạch, thời gian có khi đến 100 năm. Cây Hôi là cây gắn bó với đồng bào Tày, Dao ở Lạng Sơn, rừng Hôi như một tài sản truyền qua nhiều thế hệ trong gia đình. Sản phẩm Hôi cũng gắn bó với cuộc sống hàng ngày của người dân như để chế biến món ăn, làm thuốc xoa bóp, làm tinh dầu, làm mồi câu cá...

- Hiệu quả xã hội và môi trường: Cây Hôi đem lại thu nhập và việc làm cho số lượng lớn người dân tại địa phương. Hôi là cây đa mục đích, vừa có tác dụng phòng hộ, bảo vệ môi trường, đảm bảo nguồn sinh thủy cho các hồ đập, hạn chế lũ lụt, điều hòa nguồn nước. Với vị trí trồng trên đất đồi núi, phát triển tốt trên địa hình cao nên giá trị môi trường là rất lớn, trong khi đó vẫn đem lại lợi ích kinh tế cho người sản xuất.

3.2.2. Thực trạng sản xuất hoi tại tỉnh Lạng Sơn

Về phân bố sản xuất, hoi được trồng tại 11 huyện và thành phố, tập trung chủ yếu ở huyện Văn Quang, Bình Gia với tổng diện tích khoảng 17.423 ha, chiếm trên 50% tổng diện tích trồng của cả tỉnh, còn lại nằm rải rác ở các huyện còn lại. Tỉnh có diện tích hoi lớn đều là những huyện có điều kiện tự nhiên thuận lợi và rừng Hôi đã được hình thành từ rất lâu đời. Bên cạnh đó, các huyện này tiếp giáp với vùng Hôi Bắc Kạn từ đó hình thành vùng sản xuất hàng hóa, thuận tiện cho việc thu gom Hôi và tăng cường hoạt động thương mại.



Hình 1. Phân bố sản xuất hoi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn.

Về diện tích, tổng diện tích rừng Hôi toàn tỉnh năm 2020 là 30.647 ha, tăng 4,0% so với diện tích năm 2017. Trong 5 năm gần đây, diện tích Hôi duy trì ổn định, lý do chính là: (1) Thứ nhất, do công tác quy hoạch phát triển sản xuất

Hôi đã được tỉnh xây dựng từ 2014, trong quy hoạch phát triển sản xuất Hôi, tỉnh đã xác định rõ diện tích và vùng sản xuất, trên cơ sở quy hoạch các huyện và xã phối hợp với các hộ dân trồng Hôi để thực hiện theo quy hoạch; (2) Thứ

hai, cây Hồi là cây có phân bố và sinh trưởng trong điều kiện sinh thái hẹp với yêu cầu sinh thái khắt khe với 2 yếu tố sinh thái chính là khí hậu và đất.

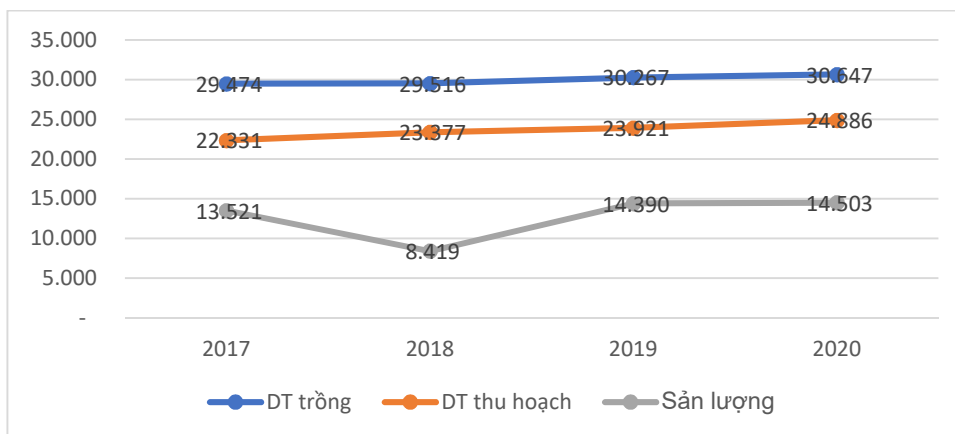
Về sản lượng Hồi của Lạng Sơn có xu hướng tăng hàng năm, với tổng sản lượng năm 2020 là 14.503 tấn, tăng 982 tấn so với năm 2017. Tuy nhiên, nếu tính trên 1 đơn vị diện tích thu hoạch thì sản lượng có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do có một phần diện tích cây già cỗi nên làm

cho sản lượng giảm. Bảng 2 cho thấy, diện tích thu hoạch có xu hướng tăng, nhiều diện tích trồng đã bắt đầu cho thu hoạch nên sản lượng thu hoặc tăng trong giai đoạn vừa qua. Trong các năm giai đoạn 2017-2020 cho thấy, năm 2018 sản lượng rất thấp, một trong những nguyên nhân do mất mùa, giá bán thấp và hàng khó bán nên người dân không thu hoạch sản phẩm, giá thuê nhân công thu hoạch không bù được do giá bán quá thấp.

Bảng 2. Kết quả sản xuất Hồi tại tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2017-2020

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	TĐPT BQ (%)
DT trồng (ha)	29.474	29.516	30.267	30.647	101,31
DT thu hoạch (ha)	22.331	23.377	23.921	24.886	103,68
Sản lượng (tấn)	13.521	8.419	14.390	14.503	102,36
Sản lượng /ha (Tấn/ha)	0,61	0,36	0,60	0,58	

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn.



Hình 2. Thay đổi diện tích, sản lượng Hồi Lạng Sơn giai đoạn 2017- 2020

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn.

Về tổ chức sản xuất, cây Hồi chủ yếu sản xuất theo hộ gia đình, việc liên kết giữa các hộ và với các tác nhân trong chuỗi giá trị chưa rõ nét. Có một số ít tổ hợp tác của các hộ trồng Hồi sản xuất theo hướng hữu cơ được hình thành. Mô hình hợp tác xã chưa hình thành trong khâu sản xuất Hồi. Trong 12 doanh nghiệp lâm nghiệp của tỉnh cũng chưa có doanh nghiệp nào tham gia trồng Hồi. Nên có thể thấy, hoạt động sản xuất Hồi vẫn mang tính chất nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết. Kết quả khảo sát năm 2019 phục vụ xây dựng Đề án phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp cho thấy, diện tích bình quân là 2,34 ha/hộ trong đó có khoảng 4% số hộ có diện tích dưới 1 ha và 4% số hộ có diện tích trên 5

ha. Gần 2/3 các hộ có diện tích từ 1 đến dưới 3 ha (chiếm khoảng 59%) và 1/3 số hộ có diện tích từ 3 - 5 ha/hộ (chiếm khoảng 33%). Về mức đóng góp vào thu nhập của hộ cũng chưa thật sự cao, với hộ có diện tích hồi dưới 2 ha/hộ thì thu nhập từ Hồi chỉ đóng góp 20 - 50% tổng thu nhập hàng năm của hộ; nếu diện tích từ 2 ha trở lên thì đóng góp vào thu nhập từ 40 - 100% thu nhập hàng năm (Sở NN&PTNT Lạng Sơn, 2019).

Về thị trường tiêu thụ, Hồi là sản phẩm có nhiều công dụng nhưng các nước sản xuất không nhiều nên thị trường tiêu thụ tương đối rộng. Trung Quốc và châu Âu là 2 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Hồi Lạng Sơn. Mỗi thị trường có những yêu cầu khác nhau, thị trường

Trung Quốc có sức mua lớn, gần Lạng Sơn, yêu cầu sản phẩm không quá khắt khe nhưng thiếu ổn định; thị trường châu Âu tương đối ổn định, doanh thu lớn do chênh lệch tỷ giá, có nhiều chính sách bảo vệ người sản xuất, giá cả ổn định nhưng đòi hỏi về chất lượng sản phẩm khắt khe. Đây là một thách thức rất lớn đối với người sản xuất nếu không đáp ứng yêu cầu thị trường, nhất là phải có các chứng nhận chất lượng theo yêu cầu thì sản phẩm rất khó xâm nhập vào thị trường. Bên cạnh đó, thị trường sản phẩm Hồi của tỉnh Lạng Sơn chưa ổn định, phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc, nơi cũng có tiềm năng phát triển sản xuất Hồi nên áp lực cạnh tranh cao. Về giá bán sản phẩm, trong thời gian từ năm 2015 – 2017 giá sản phẩm ít biến động, dao động từ 8.000 – 12.000 đồng/kg Hồi tươi. Bên cạnh đó giá Hồi khô không có sự chênh lệch nhiều với sản phẩm Hồi tươi, giá dao động khoảng 20.000 – 23.000 đồng/kg Hồi khô. Trong khi đó giá thuê lao động thủ công vào vụ thu hoạch khoảng 200.000 - 250.000 đồng/ngày công nên với giá bán không đủ chi phí thuê nhân công thu hái sản phẩm. Đây là một lý do người nông dân không muốn đầu tư và không có sự biến động về sản lượng (Sở NN&PTNT Lạng Sơn, 2019). Năm 2018, mất mùa, sản lượng ít nhưng giá bán dao động từ 12.000 - 15.000 đồng/kg. Đến năm 2019 giá tăng mạnh, trung bình khoảng 27.000 đồng/kg, có thời điểm lên tới mức 34.000 đồng/kg, một mức giá rất cao, chưa có tiền lệ nên người sản xuất mới đầu tư và sản lượng tăng mạnh.

Về hiệu quả kinh tế, do chi phí trồng Hồi thấp nên mặc dù sản lượng và giá bán không cao nhưng đã đem lại thu nhập đáng kể cho người sản xuất. Với hộ có 2 ha Hồi cho sản phẩm, có thuê lao động thu hái thì thu nhập bình quân đạt được bình quân là 32,4 triệu đồng/năm, mỗi ha thu lợi nhuận là 16,2 triệu đồng. Nếu không thuê lao động thu hái thì thu nhập của hộ chỉ còn là 21,3 triệu đồng/năm và lợi nhuận là 10,7 triệu đồng. Bản thân với mức thu nhập thấp 10,7 triệu đồng/ha/năm từ hồi vẫn cao hơn thu nhập từ rừng trồng (trung bình khoảng 7,5 triệu đồng/ha/năm) (Sở NN&PTNT Lạng Sơn, 2019).

3.2.3. Phân tích SWOT trong phát triển sản xuất Hồi tại tỉnh Lạng Sơn

Về điểm mạnh: Chu kỳ dài, đầu tư ít, kỹ thuật sản xuất đơn giản; Người dân có truyền thống sản xuất; Diện tích và sản lượng lớn, phân bố tập trung nên có nhiều lợi thế trong sản xuất và tiêu thụ; Định hướng chính sách của địa phương rõ ràng, có quy hoạch sớm.

Về điểm yếu: Hình thức tổ chức sản xuất lạc hậu, quy mô nhỏ; Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hạn chế; Diện tích có chứng nhận theo yêu cầu của thị trường ít; Ít doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia sản xuất; Thiếu liên kết trong sản xuất, kinh doanh.

Về cơ hội: Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển sản xuất Hồi; Sản phẩm nhiều công dụng; Nhu cầu tiêu dùng sản phẩm lớn; Thị trường Trung Quốc là thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn nhất mà có ranh giới tiếp giáp với tỉnh Lạng Sơn.

Về thách thức: Sự cạnh tranh trên thị trường lớn, nhất là cạnh tranh về chất lượng; Hầu như không còn dư địa cho mở rộng sản xuất; Tiếp cận vốn sản xuất, đầu tư chế biến của hộ gia đình hạn chế; Chịu ảnh hưởng nhiều của thị trường Trung Quốc; Chính sách thu hút đầu tư chưa đủ hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp đầu tư; Có nhiều rủi ro thị trường.

3.3. Điều kiện để phát huy lợi thế trong sản xuất Hồi tỉnh Lạng Sơn

Với kết quả phân tích trên cho thấy, sản xuất Hồi tại tỉnh Lạng Sơn có nhiều điểm mạnh và cơ hội, bên cạnh đó có nhiều điểm yếu và thách thức. Để phát triển sản xuất cần có giải pháp để khai thác các lợi thế trong sản xuất.

Thứ nhất, về cơ chế chính sách. Để phát triển sản xuất Hồi, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành một số chính sách để phát triển, quy hoạch sản xuất Hồi đã được thực hiện từ năm 2014 góp phần định hướng sản xuất và hình thành vùng sản xuất tập trung. Tuy nhiên, để phát triển Hồi bền vững cần quan tâm đến chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất Hồi, phát triển cơ sở hạ tầng như hệ thống cơ sở chế biến, hệ thống giao thông tại vùng sản xuất tập trung.

Thứ hai, xác định điều kiện có “lợi thế”. Về

lợi thế về đất đai và khí hậu đã được khai thác và gặt hái mục tiêu đặt ra. Vì vậy, địa phương và hộ sản xuất cần quan tâm đến phát triển theo chiều sâu thông qua ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ để nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường có yêu cầu cao hơn để tăng giá bán sản phẩm.

Thứ ba, về vốn. Đây là vấn đề quan trọng, mặc dù sản xuất Hội không đòi hỏi đầu tư nhiều nhưng đó mới là đầu tư để trồng và chăm sóc ban đầu, để sản phẩm có năng suất cao, chất lượng tốt thì yêu cầu trong đầu tư cũng thay đổi. Trong khi đó, chủ thể sản xuất Hội chủ yếu là hộ gia đình, trong đó nhiều hộ dân tộc thiểu số nên khả năng đầu tư hạn chế. Để phát triển sản xuất và khai thác các lợi thế cần sự hỗ trợ vốn từ ngân sách để đầu tư cơ sở hạ tầng, bên cạnh đó thu hút doanh nghiệp vào đầu tư ở những khâu mà người nông dân đang hạn chế như phát triển chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm, chứng nhận sản phẩm...

Thứ tư, về khoa học công nghệ. Khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp là điều kiện cấp thiết cho sản xuất nông nghiệp lớn theo hướng hiện đại, để tạo ra năng suất, chất lượng, hàng hóa có giá trị gia tăng cao, cạnh tranh được thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, các vấn đề này đang là những yếu tố bất lợi trong ngành sản xuất Hội của tỉnh. Để phát triển, cần có những thay đổi để có thể tận dụng tốt đa các lợi thế về điều kiện tự nhiên, về thị trường mà tỉnh đang có trong sản xuất Hội.

3.4. Giải pháp phát triển sản phẩm Hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Để mở hướng cho sản xuất Hội mà địa phương có “lợi thế” hơn so với địa phương khác, cần có những giải pháp sau:

Thứ nhất, cần xác định rõ những “lợi thế so sánh” của địa phương trong sản xuất Hội để từ đó có quy hoạch, hoạch định chiến lược dài hạn. Các khu vực có lợi thế và sản xuất tập trung cần được kiểm soát để tránh người sản xuất thay đổi sản phẩm sản xuất mang tính tự phát, thiếu định hướng. Phát triển sản xuất phải đảm bảo phù

hợp với quy hoạch được xây dựng và kết hợp với sử dụng hợp lý tài nguyên.

Thứ hai, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và công nghệ cho người sản xuất. Các hộ sản xuất Hội hiện nay chỉ sản xuất mang tính truyền thống nên để phát triển sản xuất cần rất nhiều các dịch vụ kỹ thuật như hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật sản xuất, sản xuất theo hướng hữu cơ, bảo quản sản phẩm, sơ chế, giống để trồng mới và trồng thay thế diện tích già cỗi.

Thứ ba, phát triển sản xuất Hội phải trên cơ sở huy động mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia để khai thác các lợi thế, trong đó thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất hội đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh đó, cần tăng cường liên kết các tác nhân trong chuỗi sản xuất Hội như Hội Hội Lạng Sơn, ủng hộ sự tham gia các tác nhân phân phối, các nhà đầu tư vốn, công nghệ cho sản xuất.

Thứ tư, phát triển công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất và các hình thức dịch vụ cung ứng như: vật tư, giống cây con, bảo vệ thực vật... cho đầu tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra của nông nghiệp một cách chủ động trước những biến cố của thị trường.

Thứ năm, coi trọng và phát huy vai trò làm chủ của hộ nông dân - chủ thể tham gia vào mô hình sản xuất Hội. Trong đó cần có một lớp nông dân có tư duy kiến thức làm giàu, biết tổ chức sản xuất kinh doanh một cách hợp lý và khoa học, biết phát huy được lợi thế của địa phương mình, biết tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có thương hiệu mẫu mã, giá cả cạnh tranh trên thị trường.

4. KẾT LUẬN

Lạng Sơn là tỉnh có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi cho phát triển sản xuất Hội, mặc dù diện tích sản xuất Hội không lớn nhưng có những lợi thế mang tính đặc thù để phát triển. Đây là những yếu tố quan trọng để ngành sản xuất Hội phát triển. Thời gian vừa qua, với sự quan tâm của Nhà nước, chính quyền địa phương, nhiều chủ trương, đề án, chính sách được ban hành tạo ra cơ hội cho sự phát triển ngành sản xuất Hội của tỉnh. Mặc dù có nhiều lợi thế nhưng địa phương chưa tận dụng được

tối đa để phát triển, hình thức tổ chức còn đơn điệu, năng suất, sản lượng thấp, sản xuất chủ yếu theo kinh nghiệp, áp dụng tiến bộ KHKT hạn chế, chưa hình thành các chuỗi liên kết, thị trường chưa ổn định. Việc phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức là cơ sở để đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng nhưng đảm bảo tính khoa học và khả thi cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT, 2016, Lạng Sơn: Nâng cao chất lượng sản phẩm Hồi để hội nhập quốc tế.
2. Sở NN&PTNT Lạng Sơn, 2017, Hoa Hồi Lạng Sơn cơ hội đầu tư cho các nhà doanh nghiệp.
3. Sở NN&PTNT Lạng Sơn, 2019, Báo cáo tư vấn thiết kế chiến lược và quy hoạch phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp tỉnh Lạng Sơn.
4. HĐND tỉnh Lạng Sơn, 2016, Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 về điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011-2020, định hướng đến 2025.
5. Ngô Quang Trung, 2016, Đánh giá kinh tế nông nghiệp Hà Tĩnh - Nhìn từ lý thuyết lợi thế so sánh, Viện nghiên cứu chính sách và phát triển, Học viện Chính trị khu vực I.
6. UBND tỉnh Lạng Sơn, 2020, Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2030.
7. UBND tỉnh Lạng Sơn, 2014, Quyết định số 1030/QĐ-UBND về Quy hoạch phát triển vùng cây nguyên liệu gắn với chế biến và xuất khẩu đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
8. UBND tỉnh Lạng Sơn, 2016, Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 phê duyệt dự án điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011-2020, định hướng đến 2025.

SITUATION AND SOLUTIONS FOR DEVELOPMENT OF ANISE IN LANG SON PROVINCE: FROM THE PERSPECTIVE OF COMPARATIVE ADVANTAGE THEORY

Nguyen Van Sang¹, Bui Thi Minh Nguyet²

¹Van Quan district People's committee, Lang Son province

²Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

Lang Son is the province with 60% anise area of Vietnam. Anise is considered one of the key products of the province, with high economic value, associated with the farming practices of local people. The article uses data and information from reports and research results conducted in the period 2015 - 2020, to summarize and analyze the current situation of anise production in the province. The results show that Lang Son has many potentials and advantages to develop anise production such as: Suitable natural conditions, the potential to expand the area, economy, society and environment effective. The current anise growing area is 30,647 ha, concentrated in 3 districts: Van Quang, Binh Gia and Van Lang, with total productivity of about 0.36 – 0.58 tons/year. Lang Son still has a lot of potential to expand the planting area. At present, the production organization of anise is mainly at the household scale, and the product value chain has not yet been formed. On that basis, the article proposes some solutions to develop anise, to maximize the potential, advantages, limit weaknesses and overcome challenges.

Keywords: Anise, Anise products, comparative advantage, Lang Son province, production development.

Ngày nhận bài : 07/8/2021

Ngày phản biện : 10/9/2021

Ngày quyết định đăng : 27/9/2021